

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2013/QĐ-UBND

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 7 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định mức thu thủy lợi phí, tiền nước
từ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và Lệ phí;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ công trình thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 143/2003/NĐ-CP ngày 28/11/2003 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Khai thác và Bảo vệ các công trình khai thủy lợi;

Căn cứ Nghị định số 67/2012/NĐ-CP ngày 10/9/2012 của Chính phủ về việc bổ sung một số điều của Nghị định số 143/2003/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 41/2013/TT-BTC ngày 11/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 67/2012/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 1300/TTr-STC ngày 25/6/2013 về việc đề nghị ban hành quy định mức thu thủy lợi phí, tiền nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành mức thu thủy lợi phí, tiền nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Sở Tài chính chủ trì phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thuế tỉnh và các ngành có chức năng, UBND cấp huyện, Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Thái Nguyên và các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc kho Bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã, Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Khai thác thủy lợi Thái Nguyên và các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan đến thu thủy lợi phí, tiền nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 05/2009/QĐ-UBND ngày 20/3/2009 của UBND tỉnh quy định mức thu thủy lợi phí, tiền nước từ các công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
(Đã ký)
Đặng Viết Thuận

Phụ lục
QUY ĐỊNH MỨC THU THUỶ LỢI PHÍ, TIỀN NƯỚC TỪ CÁC CÔNG
TRÌNH THUỶ LỢI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH THÁI NGUYÊN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 14/2013 /QĐ-UBND ngày 05 tháng 7 năm 2013
của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên)*

1. Mức thu thuỷ lợi phí đối với đất trồng lúa

TT	Vùng và biện pháp công trình	Mức thu (1.000đồng/ha/vụ)
1	Đối với các xã miền núi	
-	Tưới tiêu bằng động lực	1.811
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.267
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.539
2	Đối với các xã miền trung du	
-	Tưới tiêu bằng động lực	1.433
-	Tưới tiêu bằng trọng lực	1.003
-	Tưới tiêu bằng trọng lực và kết hợp động lực hỗ trợ	1.218

- Trường hợp tưới, tiêu chủ động một phần thì thu bằng 60% mức phí tại biểu trên.

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng trọng lực thì thu bằng 40% mức phí tại biểu trên (Kể cả cấp nước tạo nguồn cho tỉnh Bắc Giang)

- Trường hợp chỉ tạo nguồn tưới, tiêu bằng động lực thì thu bằng 50% mức phí tại biểu trên.

2. Đối với diện tích trồng mạ, màu, cây công nghiệp ngắn ngày kể cả cây vụ đông thì mức thu thuỷ lợi phí bằng 40% mức thu thuỷ lợi phí đối với đất trồng lúa.

3. Biểu mức thu tiền nước đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng nước hoặc làm dịch vụ cho các mục đích không phải sản xuất lương thực (Chưa bao gồm thuế GTGT).

TT	Các đối tượng dùng nước	Đơn vị tính	Bơm điện	Hồ, đập, kênh, cống
1	Cấp nước dùng sản xuất công nghiệp, tiểu công nghiệp	Đồng/m ³	1.800	900
2	Cấp nước cho nhà máy nước sinh hoạt, chăn nuôi	Đồng/m ³	1.320	900
3	Cấp nước tưới cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa và cây dược liệu	Đồng/m ³	1.020	840
4	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	Đồng/m ³	840	600
	Cấp nước để nuôi trồng thủy sản	Đồng/m ² mặt thoát/năm	250	
5	Nuôi trồng thủy sản tại công trình hồ chứa thủy lợi Nuôi cá bè	% giá trị sản lượng	5% 6%	
6	Vận tải qua âu thuyền, cống của hệ thống thủy lợi: - Thuyền, sà lan - Các loại bè	Đồng/tấn/lượt Đồng/m ² /lượt	7.200 1.800	
7	Sử dụng nước từ công trình thủy lợi để phát điện	% giá trị sản lượng điện thương phẩm	8%	
8	Sử dụng công trình thủy lợi để kinh doanh du lịch, nghỉ mát, an dưỡng, giải trí (kể cả kinh doanh sân gôn, casino, nhà hàng)	Tổng giá trị doanh thu	10%	

- Trường hợp lấy nước theo khối lượng thì mức tiền nước được tính từ vị trí nhận nước của tổ chức, cá nhân sử dụng nước.

- Trường hợp cấp nước để tưới cho cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, hoa, cây dược liệu nếu không tính được theo m³ thì thu theo diện tích (ha) mức thu bằng 80% mức thủy lợi phí đối với đất trồng lúa cho một năm.

4. Mức thu thủy lợi phí quy định tại các điểm 1, 2 phụ lục này được tính ở vị trí công đầu kênh của tổ chức hợp tác dùng nước đến công trình đầu mối của công trình thủy lợi.

5. Tổ chức hợp tác dùng nước thoả thuận với tổ chức, cá nhân sử dụng nước về mức phí dịch vụ lấy nước từ sau công đầu kênh đến mặt ruộng (kênh nội đồng) nhưng không vượt quá 25% mức thu quy định tại điểm 1, 2 trên.

6. Mức thu thủy lợi phí của các công trình thủy lợi được đầu tư bằng nguồn vốn không thuộc ngân sách nhà nước hoặc có một phần vốn ngân sách nhà nước do đơn vị quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi thoả thuận với các hộ dùng nước nhưng không vượt quá mức quy định của UBND tỉnh./.